

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Đông Bắc đô thị Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư hai bên đường công vụ (cấp kênh Ba Liên) phường 5, thành phố Vị Thanh và xã Vị Trung, huyện Vị Thủy;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thành phố Vị Thanh và vùng phụ cận, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1053/TTr-SXD ngày 08 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy.

2. Vị trí lập quy hoạch:

Khu đất lập quy hoạch thuộc phường V, thành phố Vị Thanh và xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, có phạm vi ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc giáp kênh Ba Liên;
- Phía Đông Nam giáp Quốc lộ 61C và đất dân;
- Phía Tây Bắc giáp đất xây dựng công trình hành chính công cộng dọc đường Võ văn Kiệt;
- Phía Tây Nam giáp đường công vụ Ba Liên và dự án Khu dân cư hai bên đường Võ Văn Kiệt.

3. Tính chất đô thị:

- Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp định hướng Quy hoạch chung thành phố Vị Thanh và vùng phụ cận tỉnh Hậu Giang đến năm 2040.
- Xây dựng Khu đô thị mới phù hợp với các điều kiện phát triển của địa phương, đảm bảo đầy đủ các chức năng sống tiện nghi, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu đầu nối về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ,...

4. Các chỉ tiêu cơ bản áp dụng:

- Tổng dân số dự kiến khoảng 20.000 người.
- Quy mô diện tích: 111,69ha.
- Chỉ tiêu đất xây dựng nhà ở quy hoạch mới: 22,4m²/người.
- Đất xây dựng nhà ở xã hội: chiếm 20,77% tổng diện tích đất ở được bố trí trong toàn khu quy hoạch.
- Đất cây xanh mặt nước: 9m²/người.
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 150lít/người.ngày đêm.
- Tiêu chuẩn rác thải: 1kg/người.ngày đêm.
- Tiêu chuẩn cấp điện: nhà liền kề là 3kw/hộ, Nhà biệt thự là 5kw/hộ, Công trình thương mại dịch vụ là 30w/m² sàn, Công viên vườn hoa là 5w/m².
- Hệ thống điện trung thế, hạ thế đi ngầm.
- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt vận hành độc lập.
- Xử lý rác: thu gom vận chuyển đến nơi xử lý.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT Ở QUY HOẠCH MỚI	445.996,77	39,93
1	Nhà ở liên kế	183.584,93	16,44
2	Nhà ở shop house	117.452,13	10,52
3	Nhà ở biệt thự	45.608,69	4,08
4	Nhà ở xã hội (không theo phân lô)	93.069,94	20,87
5	Nhà ở tái định cư	6.281,08	0,56
II	ĐẤT Ở CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ	38.663,94	3,46
III	ĐẤT CÔNG CỘNG	17.707,79	1,59
1	Sinh hoạt cộng đồng	3.905,15	0,35
2	Trường tiểu học	7.775,38	0,70
3	Trường mầm non	4.004,93	0,36
4	Y tế	2.022,33	0,18
IV	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	20.538,18	1,84
V	ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC	184.493,33	16,52
1	Công viên trung tâm	56.116,54	5,02
2	Công viên đơn vị ở	17.558,39	1,57
3	Cây xanh cách ly - vườn hoa	59.267,84	5,31
4	Mặt nước	51.550,56	4,62
VI	ĐẤT GIAO THÔNG	389.781,33	34,90
1	Lòng đường	207.782,39	18,60
2	Via hè	176.597,99	15,81
3	Bãi đậu xe công cộng	5.400,95	0,48
VII	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	19.762,98	1,77
TỔNG		1.116.944,14	100

6. Tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc cảnh quan:

6.1. Đất xây dựng nhà ở liên kế:

- Tổng diện tích đất: 183.584,93m².
- Mật độ xây dựng: 78 - 80%.
- Tầng cao xây dựng: 02 - 04 tầng.
- Khoảng lùi xây dựng: lùi trước từ 2,5-3m, lùi sau tối thiểu 1,5m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

6.2. Đất xây dựng nhà ở shop house:

- Tổng diện tích lô đất: 117.452,13m².
- Mật độ xây dựng: ≤ 78%.
- Tầng cao xây dựng: 02 - 04 tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: lùi trước 3m, lùi sau tối thiểu 1,5m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

6.3. Đất xây dựng nhà ở biệt thự:

- Tổng diện tích đất: 45.608,69m².

- Mật độ xây dựng: ≤ 65%.

- Tầng cao xây dựng: 02 - 03 tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: lùi trước 3m, lùi sau tối thiểu 2m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

6.4. Đất xây dựng nhà ở xã hội:

- Tổng diện tích đất: 93.069,94m² để xây dựng các loại nhà ở liền kề hoặc nhà ở chung cư, khi đi vào dự án cụ thể sẽ tính toán phương thức đầu tư riêng.

- Mật độ xây dựng và khoảng lùi xây dựng: tùy thuộc vào loại hình đầu tư và diện tích lô đất sẽ được tính toán quy định cụ thể trong quá trình lập dự án đầu tư.

- Tầng cao xây dựng: ≤ 04 tầng.

6.5. Đất xây dựng nhà ở tái định cư:

- Tổng diện tích đất: 6.281,08m².

- Mật độ xây dựng: ≤ 80%.

- Tầng cao xây dựng: ≤ 04 tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: lùi trước 2,5m, lùi sau tối thiểu 1,5m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

6.6. Đất xây dựng nhà ở tự cải tạo:

- Tổng diện tích đất: 38.663,94m².

- Mật độ xây dựng: ≤ 80%

- Tầng cao xây dựng: ≤ 04 tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ.

6.7. Đất xây dựng công trình công cộng:

- Tổng diện tích đất: 17.707,79m².

- Mật độ xây dựng: ≤ 40%.

- Tầng cao xây dựng: ≤ 03 tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: từ 3 - 6m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

6.8. Đất thương mại dịch vụ:

- Tổng diện tích đất: 20.538,18m².

- Mật độ xây dựng: ≤ 40%.

- Tầng cao xây dựng: ≤ 04tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: từ 3 - 10m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

6.9. Đất cây xanh - mặt nước:

- Tổng diện tích đất: 184.493,33m².
- Tầng cao xây dựng: ≤ 01tầng.
- Mật độ xây dựng: ≤ 5%.
- Riêng đối với phần diện tích đất cây xanh trong đơn vị ở phải dành tối thiểu 25% diện tích đất để bố trí sân chơi, không gian hoạt động thể thao, giải trí ngoài trời.

6.10. Đất hạ tầng kỹ thuật:

- Tổng diện tích đất: 19.762,98m².
- Tầng cao xây dựng: ≤ 02 tầng.
- Mật độ xây dựng: ≤ 40%.
- Khoảng lùi xây dựng: từ 3-6m (theo bản đồ quy hoạch phân lô - chỉ giới xây dựng).

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 61C, lộ giới 71m (7m+7m+9m+11m+3m+11m+9m+7m+7m).
- Đường Hùng Vương, lộ giới 35m (6m+10,5m+2m+10,5m+6m).

b) Giao thông trục chính và các trục trung tâm:

- Đường D10, D12, D13, D21, lộ giới 27m (6m+15m+6m).
- Đường N13, N22, lộ giới từ (31,8-33,8)m [5m+7m+(7,8-9,8)m+5m+7m].
- Đường D6, D15, N19, lộ giới 20,5m (5m+10,5m+5m).
- Đường N6, lộ giới 22,5m (6m+10,5m+6m).

c) Giao thông nội bộ:

Bao gồm các tuyến đường giao thông còn lại theo bản đồ quy hoạch giao thông, có lộ giới từ 12m – 20,5m.

d) Giải pháp thiết kế và các yêu cầu kỹ thuật an toàn giao thông:

- Bán kính bó vỉa tại các giao lộ: $R \geq 8m$ (theo bản đồ quy hoạch giao thông).
- Vát góc công trình tại vị trí giao lộ: 3m đến 7m hoặc lớn hơn tại các ngã giao nhau đảm bảo tầm nhìn cho các phương tiện giao thông khi ra vào giao lộ.
- Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa nóng, có độ dốc ngang là 2%.
- Vía hè trồng cây xanh, lát gạch Block có độ dốc 1,5%.
- Khi triển khai dự án không được xây dựng hoặc bố trí công trình, vật kiến trúc, trồng cây bóng mát làm hạn chế tầm nhìn tại các giao lộ và che khuất các biển báo hiệu, tín hiệu điều khiển giao thông.
- Khi triển khai đầu tư đường N22 theo quy hoạch phải lập thủ tục xin đầu nối Quốc lộ 61C theo quy định hiện hành tại thời điểm triển khai dự án.
- Tại những phố đông người đi lại không được đặt các biển quảng cáo, thông tin trực diện với tầm nhìn làm phân tán sự chú ý của người lái xe.

- Cây trồng trên dây phân cách phải là cây có phân thân thưa thoáng không cản trở tầm nhìn.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất:

- Tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên, hạn chế san lấp. Toàn bộ dự án được san đến cao độ +1.60m, riêng phạm vi tiếp giáp với Quốc lộ 61C san lấp đến cao độ +2.19m (theo cao độ Hòn Dấu).

- Khi thiết kế san nền cần đảm bảo các khu vực không bị ngập úng, thoát hết nước mặt và tạo mặt bằng thuận lợi cho đầu tư xây dựng các công trình.

7.3. Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mặt được thiết kế riêng biệt đối với hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước mặt được thiết kế theo độ dốc tối thiểu và tự chảy.

- Nước mặt sau khi được thu gom vào hệ thống cống thoát nước chung đô thị rồi xả thẳng ra kênh Ba Liên và kênh Hai Phước. Hướng dốc chính thoát nước mưa là hướng Tây Nam - Đông Bắc và hướng Đông - Tây.

- Công thoát nước sử dụng có đường kính Ø400mm đến Ø1800mm được bố trí dọc theo các tuyến đường để thu gom toàn bộ nước mặt rồi dẫn xả ra hệ thống kênh rạch.

- Khi thiết kế cần đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực nghiên cứu với các khu vực lân cận, không làm ảnh hưởng đến hoạt động thoát nước hiện có của khu vực lân cận.

7.4. Cấp nước:

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch được lấy từ Nhà máy nước Vị Thanh qua tuyến ống Ø300 chạy dọc theo đường Võ Văn Kiệt và đường Hùng Vương theo Đồ án quy hoạch chung đô thị Vị Thanh.

- Tuyến ống cấp nước được thiết kế theo dạng mạng vòng kết hợp các nhánh cụt để cấp nước cho tất cả các điểm dùng nước trong dự án.

- Trên mạng cấp nước bố trí các trụ cứu hỏa đặt tại ngã ba, ngã tư và những nơi thuận lợi nhằm phục vụ cho việc cấp nước chữa cháy, khoảng cách bình quân khoảng 150m/Trụ.

- Ống cấp nước sử dụng có đường kính từ Ø75 đến Ø250.

- Tổng lượng nước tiêu thụ của toàn khu là 4.979m³/ngày đêm.

7.5. Thoát nước thải sinh hoạt:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thu gom nước thải triệt để và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của khu vực được bố trí trong dự án để xử lý cục bộ trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của đô thị.

- Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải tập trung của đô thị chưa được đầu tư đi ngang khu vực quy hoạch, nên hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý cục bộ tại trạm xử lý nước thải riêng được bố trí trong khu vực dự án và xả thải ra kênh Hai Phước. Khi hệ thống thoát nước thải chung của đô thị

được triển khai, thì hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của khu quy hoạch này sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của đô thị để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị.

- Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành thì mới được xả thải ra môi trường bên ngoài.

- Để hạn chế chiều sâu chôn ống, dùng phương pháp phân chia lưu vực để tính toán cho từng đoạn ống, từng tuyến ống và có thể bố trí thêm hố bom trung chuyển nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Hố bom được thiết kế âm hoàn toàn để hạn chế mùi và không làm ảnh hưởng đến mỹ quan cho khu vực.

- Tuyến ống sử dụng có đường kính Ø 50 đến Ø400.

- Nước thải tại các khu vệ sinh phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào hệ thống cống thoát nước thải chung của khu vực. Nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của toàn khu là 3.604 m³/ngày đêm.

7.6. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Khi dự án đi vào hoạt động phải bố trí các thùng rác công cộng dọc theo các trục đường giao thông, tại khu vực công cộng, khu sinh hoạt cộng đồng... để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Các loại rác như thùng carton, giấy, nhựa có khả năng tái chế thì được thu gom để tái chế sử dụng.

- Các loại rác thải nguy hại như bóng đèn thủy tinh, bát, đĩa, kính bị vỡ, giẻ lau có dính dầu nhớt sẽ được thu gom riêng và xử lý chất thải nguy hại.

- Hàng ngày phải bố trí xe chuyên dụng đến nhận rác và chuyển rác đến trạm trung chuyển rác tập trung của đô thị.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút đi xử lý.

7.7. Cấp điện và chiếu sáng:

a) Nguồn điện:

Nguồn điện được lấy từ tuyến điện trung thế 22kV hiện hữu dọc theo đường Võ Văn Kiệt và đường Hùng Vương đến khu quy hoạch.

b) Tuyến trung thế 22kV đi ngầm xây mới:

- Lưới điện trung thế 22kV cấp cho các trạm hạ thế trong khu vực nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mạch vòng vận hành hở.

- Tuyến cáp trung thế được đi ngầm trong hào kỹ thuật và luồn trong ống HDPE đi ngầm. Đoạn đi qua đường được luồn trong ống thép bảo vệ và cách mặt đường lớn hơn hoặc bằng 1m. Cáp sử dụng là loại cáp phải phù hợp với điều kiện đặt ngầm, bảo vệ cách điện bằng PVC có đai thép bảo vệ và có đặc tính chống thấm dọc.

c) Trạm biến áp 22/0.4kV:

- Trên cơ sở tính toán nhu cầu dùng điện của khu vực, định hướng xây dựng mới 11 trạm biến áp đặt nổi trên trụ búp sen để đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Vị trí, công suất các trạm biến áp trong bản vẽ được xác định sơ bộ, khi thiết kế chi tiết tùy thuộc vào quy mô tính chất và mặt bằng bố trí công trình trong từng lô đất xây dựng, vị trí các trạm sẽ được tính toán cụ thể, đặt ở những nơi thích hợp, tránh gây cản trở giao thông và nguy hiểm cho người.

- Tổng công suất của các trạm biến áp là 13,180kVA.

d) Lưới điện hạ thế 0.4kV:

- Lưới điện hạ thế 0.4kV tổ chức theo mạng vòng, vận hành hở và được đi ngầm dọc theo hè đường quy hoạch đến từng lô đất.

- Các tuyến điện hạ thế 0.4KV từ trạm biến áp cấp cho các căn hộ sử dụng loại cáp đồng bọc Cu/XLPE/DSTA/PVC có vỏ bọc cách điện nhựa không cháy.

- Toàn bộ các tuyến cáp hạ thế được luồn trong ống HDPE đi ngầm. Đoạn đi qua đường được luồn trong ống thép bảo vệ và cách mặt đường lớn hơn hoặc bằng 1m.

- Các tuyến cáp hạ thế trong bản vẽ chỉ là định hướng tuyến sơ bộ, cụ thể sẽ được xác định ở giai đoạn thiết kế chi tiết.

đ) Lưới điện chiếu sáng:

- Nguồn cung cấp cho hệ thống chiếu sáng lấy từ trạm biến áp xây mới.

- Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống cấp điện sinh hoạt và được điều khiển bật, tắt đèn bằng tủ điều khiển tự động.

- Lưới điện hạ thế 0.4kV cấp điện cho chiếu sáng được thiết kế đi ngầm dưới vỉa hè, cách bó vỉa 0,5m. Đoạn đi qua đường được luồn trong ống thép bảo vệ và cách mặt đường lớn hơn hoặc bằng 0,7m.

- Những tuyến đường có chiều rộng $\leq 7m$ sử dụng trụ chiếu sáng bằng thép mạ kẽm cao 7m lắp 01 bên đường dùng bóng LED 55W khoảng cách trụ trung bình 35 - 45m.

- Những tuyến đường có chiều rộng 10m đến 10,5m sử dụng trụ chiếu sáng bằng thép mạ kẽm cao 7m lắp 02 bên đường so le nhau dùng bóng LED 55W khoảng cách trụ trung bình về 01 phía vỉa hè 60 - 65m.

- Những tuyến đường có chiều rộng 15m sử dụng trụ chiếu sáng bằng thép mạ kẽm cao 9m lắp 02 bên đường đối xứng nhau dùng bóng LED 110W khoảng cách trụ trung bình 30 - 35m.

- Những tuyến đường có dây phân cách giữa sử dụng trụ chiếu sáng bằng thép mạ kẽm cao 9m lắp ở giữa dây phân cách dùng bóng LED 110W chiếu sáng qua hai bên đường khoảng cách trụ trung bình 35 - 40m.

- Chiếu sáng công viên, vườn hoa sử dụng loại trụ đèn trang trí, có kiểu dáng phù hợp với cảnh quan, kiến trúc để tăng mỹ quan cho khu vực.

7.8. Thông tin liên lạc:

a) Nguồn cấp:

Nguồn tín hiệu viễn thông lấy từ trung tâm viễn thông thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy với các tuyến cáp thông tin dọc theo các tuyến đường Võ Văn Kiệt và đường Hùng Vương đến khu quy hoạch.

b) Giải pháp quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Cần thiết kế hệ thống công bề chờ nhằm mục đích phục vụ cho các tuyến cáp thông tin của các nhà cung cấp dịch vụ lắp đặt.

- Tất cả các loại cáp đều phải đặt xuống công bề, trên đường nội bộ có thể đi ngầm trực tiếp trong ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin, mỹ quan, đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác và tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Vị trí tủ cáp, dung lượng trong hồ sơ quy hoạch được xác định có tính chất sơ bộ. Vị trí và dung lượng chính xác sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với mặt bằng chính thức của lô đất trong giai đoạn thiết kế.

- Khi thiết kế chi tiết cần đảm bảo cung cấp được tất cả các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông tiên tiến hiện có, có khả năng mở rộng đáp ứng các nhu cầu sử dụng trong tương lai của khách hàng, đáp ứng nhu cầu trong khu quy hoạch.

- Hạ tầng mạng viễn thông được xây dựng phải đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khác của các dự án trong khu quy hoạch để đảm bảo tiết kiệm chi phí đầu tư và mỹ quan trong khu vực.

- Đối với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông (như VNPT, Viettel,...) đầu tư lắp đặt cung cấp các loại hình sử dụng dịch vụ viễn thông, khi triển khai chi tiết cung cấp dịch vụ mạng ở các giai đoạn kế tiếp, các nhà cung cấp dịch vụ sẽ đưa thiết bị phù hợp với mạng trên hệ thống hạ tầng có sẵn. Khối lượng đầu tư trong dự án giai đoạn đầu chỉ thiết kế phân hạ tầng đã tính đủ dung lượng và nhu cầu sử dụng cho toàn khu.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Vị Thanh, UBND huyện Vị Thủy cùng các đơn vị liên quan tổ chức công bố Đồ án chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định. Đồng thời, thông báo kịp thời cho Nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện tốt việc sử dụng đất và quản lý xây dựng theo quy hoạch; tổ chức cắm mốc ngoài thực địa và phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh cục bộ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Đông Bắc đô thị Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang và thay thế một phần Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư hai bên đường công vụ (cấp kênh Ba Liên) phường 5, thành phố Vị Thanh và xã Vị Trung, huyện Vị Thủy.

Điều 4. Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Vị Thanh, Chủ tịch UBND huyện Vị Thủy; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: PHÓ CHỦ TỊCH

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, NCTH . TĐ

E:\2016\QD\QH\SXD_phe duyet Do an Khu ĐTM Ba Lien

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn